**Tiết 34**

**KIỂM TRA CUỐI KÌ I – NĂM HỌC: 2020 – 2021**

**I. MỤC TIÊU ĐỀ KIỂM TRA**

**1. Kiến thức**

Chủ đề 1: Các loại hợp chất vô cơ

Chủ đề 2: Kim loại

**2. Kĩ năng**

+ Tổng hợp kiến thức.

+ Rèn luyện kĩ năng tính toán, áp dụng lý thuyết vào cuộc sống.

**3. Thái độ**

**+** Giáo dục ý thức cẩn thận.

+ lòng yêu thích môn học, đam mê khoa học.

 **II. CHUẨN BỊ CỦA GV - HS.**

1.GV:Đề kiểm tra theo nội dung đã ôn ở tiết ôn tập.

2. HS : Ôn tập các kiến thức theo nội dung tiết ôn tập.

**III. MA TRẬN ĐỀ**

**MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2020 – 2021**

**MÔN HÓA HỌC - LỚP 9**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chương** | **Chủ đề** | **Biết** | **Hiểu** | **VD thấp** | **VD cao** |
| 1 | 1. Tính chất hóa học của Oxit |  | TN |  |  |
| 2. Một số oxit quan trọng (CaO và SO2) | TN |  |  | TN |
| 3. Tính chất hóa học của Axit |  | TN |  |  |
| 4. Một số axit quan trọng (H2SO­4) | TN |  | TL |  |
| 5. Tính chất hóa học của Bazơ |  | TN |  |  |
| 6. Một số bazơ quan trọng (Ca(OH)2 và NaOH) |  |  | TN |  |
| 7. Tính chất hóa học của muối |  | TN |  |  |
| 8. Một số muối quan trọng (NaCl) | TN |  |  |  |
| 2 | 1. Tính chất vật lý của Kim loại | TN |  |  |  |
| 2. Tính chất hóa học của Kim loại |  |  |  |  |
| 3. Dãy hoạt động hóa học của Kim loại |  | TN |  |  |
| 4. Nhôm |  |  | TN |  |
| 5. Sắt |  | TN | TL |  |
| 6. Hợp kim của sắt: gang + thép | TN |  |  |  |
| 7. Ăn mòn kim loại + bảo vệ kim loại | TN |  |  |  |
| $$\sum\_{}^{}câu$$ |  | 6TN | 6TN | 2TN + 2TL | 1TN |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT QUỐC OAI**TRƯỜNG THCS CỘNG HÒA** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ I [2020-2021]****TÊN MÔN HỌC: HÓA HỌC 9***Thời gian làm bài: 45 phút (15 câu TN + 2 câu TL)* |

Họ và tên:…………………………………………..SBD………………………Lớp…………..

*(Thí sinh không được sử dụng tài liệu)*

|  |
| --- |
| Nguyên tử khối: H = 1; C = 12; N = 14; O = 16; Na = 23; Mg = 24; Al = 27; S = 32; Cl = 35,5; K = 39; Ca = 40; Cr = 52; Mn = 55; Fe = 56; Cu = 64; Zn = 65; Br = 80; Ag = 108; Ba = 137. |

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm)**

**Câu 1.** Dãy tất cả các chất gồm oxit axit là

 **A.** CO2, SO2, NO.  **B.** CO2, SO3, Na2O. **C.** SO2, P2O5, NO2.  **D.** H2O, CO, NO.

**Câu 2.** Đâu là ứng dụng của CaO?

 **A.** Sản xuất H2SO4.  **B.** Khử chua đất. **C.** Tẩy trắng gỗ.  **D.** Gây mưa axit.

**Bài 3.** Hòa tan hết 8,4 gam CaO vào 100 gam nước thu được dung dịch A. Nồng độ % của A là

 **A.** 12,45%.  **B.** 12%. **C.** 11,36%.  **D.** 10,06%.

**Câu 4.** Phản ứng hóa học nào sau đây viết **sai?**

 **A.** Ca + H2SO4 🡪 CaSO­4 + H2.  **B.** NaOH + HCl 🡪 NaCl + H2O.

 **C.** 2Ag + H2SO­4 🡪 Ag2SO4 + H2. **D.** FeO + 2HCl 🡪 FeCl2 + H2O.

**Câu 5.** Muốn pha loãng axit sunfuric đặc ta phải

 **A.** Rót nước vào axit đặc**. B.** Rót từ từ nước vào axit đặc.

 **C.** Rót nhanh axit đặc vào nước.  **D.** Rót từ từ axit đặc vào nước.

**Câu 6.** Cho các bazơ sau: KOH, Mg(OH)2, Fe(OH)3, NaOH, Cu(OH)2. Số bazơ bị nhiệt phân là

 **A.** 1.  **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

**Câu 7.** Thổi 1,12 lít khí CO2 (đktc) vào dung dịch Ca(OH)2 dư thu được m (gam) kết tủa trắng. m là

 **A.** 5 g.  **B.** 10 g. **C.** 2,5 g. **D.** 7,5 g.

**Câu 8.** Để làm sạch dung dịch MgCl2 có lẫn tạp chất FeCl2 ta dùng

 **A.** MgSO4.  **B.** HCl.  **C.** Mg.  **D.** Fe.

**Câu 9.** Công thức hóa học của muối ăn là

 **A.** NaCl.  **B.** NaNO3**. C.** KNO­3.  **D.** HCl.

**Câu10.** Trong các loại phân bón sau, phân bón hoá học đơn là

 **A.** (NH4)3PO4  **B.** Ca(H2PO4)2  **C.** K3PO4  **D.** KNO3

**Câu 11.** Thép là hợp kim Fe – C và một số nguyên tố khác, trong đó C chiếm khoảng

 **A.** Trên 2%.   **B.** Từ 5-10%. **C.** Dưới 2%. **D.** Không có C.

**Câu 12.** Đinh sắt trong ống nghiệm (3) bị ăn mòn nhiều nhất, dung dịch chứa trong ống nghiệm (3) là



 **A.** Nước khoáng.  **B.** Nước muối.  **C.** Không khí.  **D.** Dầu hỏa.

**Câu 13.** Cho phản ứng: Fe + H3PO4 → muối X + khí Y. muối X là

 **A.** FePO4.  **B.** Fe3(PO4)2.  **C.** Fe2PO4.  **D.** Fe2(PO4)3.

**Câu 14:** Đốt cháy hết 5,4 gam Al trong V (lít) không khí (đktc), thu được Al2O3. Biết, Al chỉ tác dụng với khí oxi trong không khí và thể tích O2 chiếm 20% thể tích không khí. V có giá trị là

**A.** 3,36 lít **B.** 16,8 lít **C.** 0,672 lít **D.** 8,96 lít

**Câu 15:** Cho các kim loại: Na, Fe, Mg, Al, Cu, Ag. Số kim loại tác dụng được với nước ở đk thường là

**A.** 1 **B.** 2 **C.** 3 **D.** 4

**PHẦN II. TỰ LUẬN (4 điểm)**

**Câu 1.** (2 điểm) Hoàn thành sơ đồ phản ứng sau

Cu $→$ CuO $→ $CuSO4 $ →$ Cu(NO3)2 $→$ Cu(OH)2

**Câu 2.** (2 điểm) Hòa tan hết 8,1 (g) nhôm trong 500 ml dung dịch H2SO4 x(M) thu được V (lít) khí H2 (đktc).

a. Viết phương trình hóa học.

b. Tính x

c. Tính V

**ĐÁP ÁN**

**PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (6 điểm) – Mỗi ý đúng = 0,4 điểm**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu 1** | **Câu 2** | **Câu 3** | **Câu 4** | **Câu 5** | **Câu 6** | **Câu 7** | **Câu 8** | **Câu 9** | **Câu 10** |
| **C** | **B** | **A** | **C** | **D** | **C** | **A** | **C** | **A** | **B** |
| **Câu 11** | **Câu 12** | **Câu 13** | **Câu 14** | **Câu 15** |
| **C** | **B** | **B** | **B** | **A** |

**PHẦN II. TỰ LUẬN (4 điểm)**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 1.** Hoàn thành sơ đồ phản ứng sau | **Ghi chú** | **Điểm** |
| 1) 2Cu + O2 $→$ 2CuO | + Viết đúng pthh+ Thiếu đk / chưa CB | **0,5 đ****-0,25 đ** |
| b) CuO + H2SO4 🡪 CuSO4 + H2O |  | **0,5 đ** |
| c) CuSO4 + Ba(NO3)2 🡪 BaSO4 ↓ + Cu(NO3)2 | Thay Ba(NO3)2=Pb(NO3)2 cũng đc | **0,5 đ** |
| d) Cu(NO3)2 + 2NaOH 🡪 Cu(OH)2 ↓ + 2NaNO3 | Thay NaOH = KOH = Ca(OH)2 = Ba(OH)2 đều được | **0,5 đ** |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu 2.** Hòa tan hết 8,1 (g) nhôm trong 500 ml dung dịch H2SO4 x(M) thu được V (lít) khí H2 (đktc). |  |  |
| a) Viết PTHH.2Al + 3H2SO4 🡪 Al2(SO4)3 + 3H2 | + Viết đúng sơ đồ pư+ Cân bằng đúng | **0,25 đ****0,25 đ** |
| b) nAl = 8,1/27 = 0,3 molTheo PTHH: nH2SO4 = 0,45 mol🡺 CM H2SO4 = $\frac{n}{V}= \frac{0,45}{0,5}=0,9 M$  |  | **0,25 đ****0,5 đ** |
| c) Theo PTHH: nH2 = 0,45 mol |  | **0,25 đ** |
| VH2 = 0,45.22,4 = 10,08 lít |  | **0,5 đ** |
|  | Thiếu đơn vị | **-0,25 đ** |

*Lưu ý: Thí sinh có thể giải theo cách khác vẫn đúng GV vẫn cho điểm tối đa*